TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2021/DS-PT
Ngày 02-4-2021
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài
Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thanh Trúc
Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Anh Đào - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 382/2020/TLPT-DS ngày 26 tháng 11 năm 2020, về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2020/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 372/2020/QĐ-PT ngày 16 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị G, sinh năm 1973; địa chỉ: Số nhà 430, ấp P, xã T, huyện G, tỉnh B; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị B, sinh năm 1977; địa chỉ: Số nhà 432, ấp P, xã T, huyện G, tỉnh B; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Bùi Thị H, sinh năm 1954 và ông Vũ Tiến D, sinh năm 1951; cùng địa chỉ: Số nhà 432, ấp P, xã T, huyện G, tỉnh B; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Vũ Thị G.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Vũ Thị G trình bày:

Nguyên đơn bà Vũ Thị G với ông Phạm Văn T (chết năm 2011) là vợ chồng, quá trình chung sống thì nguyên đơn và ông T có 02 người con chung là Phạm Văn P và Phạm Đức T. Khi còn sống, ông T có tạo lập được khối tài sản là phần đất có diện tích 24.968m^2 (đo đạc thực tế là 29.134m^2), thuộc thửa đất số 78, tờ bản đồ số 63, tọa lạc tại xã A, huyện G, tỉnh B. Ngoài phần đất này thì còn

có phần đất có diện tích 187m^2, thuộc thửa đất số 142, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại xã A, huyện G, tỉnh B. Gia đình nguyên đơn đã sử dụng các thửa đất nói trên từ năm 2001 đến nay. Năm 2011, ông T chết không để lại di chúc nên các tài sản của ông T để lại phát sinh thừa kế theo pháp luật và nguyên đơn được toàn quyền sử dụng đối với phần đất 187m^2, thuộc thửa đất số 142, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại xã A, huyện G, tỉnh B theo Bản án dân sự phúc thẩm số 167/2015/DS-PT ngày 16/01/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Trước năm 2001, vợ chồng nguyên đơn có sang nhượng cho bị đơn bà Đỗ Thị B một phần đất có diện tích ngang 04m đầu và ngang 04m đuôi, bà B mua của hộ kế bên thêm 02m ngang. Sau khi sang nhượng cho bà B thì phần đất của nguyên đơn vẫn sử dụng đủ, phần đầu đất của nguyên đơn có xây dựng hàng rào, phần đuôi đất do lúc đó vướng nhà cũ của bà B nên nguyên đơn không xây dựng được hàng rào. Sau này bà B xây nhà, phần đuôi đất nguyên đơn không làm gì hết nên vẫn để cho bà B mượn sử dụng để đi lại và cho bà B xây tường đổ chắn hố phân nhà nguyên đơn.

Khoảng tháng 4/2018, bà B chuyển nhượng cho bà H quyền sử dụng đất của bà B. Sau khi đo đạc thực tế, phần đất thuộc thửa đất số 142, tờ bản đồ số 14 của nguyên đơn không đủ diện tích như được cấp giấy chứng nhận. Cụ thể, phần đất của nguyên đơn là 11,8m ở phần đầu, phần đuôi đất là 10,5m nhưng thực tế đo đạc chỉ còn lại phần đuôi đất là 9,3m. Như vậy, phần đất của nguyên đơn thiếu là 1,2m chiều ngang cuối đất và 11,6m chiều dài. Tổng diện tích nguyên đơn bị thiếu là hơn 13,92m^2.

Tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn đồng ý với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh B đối với thửa đất số 142, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại xã A, huyện G, tỉnh B. Nguồn gốc phần đất tranh chấp là do nguyên đơn chuyển nhượng cho bị đơn, thời điểm chuyển nhượng thì đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1996, bị đơn xây dựng nhà thì nguyên đơn đã phát hiện bị đơn xây dựng lấn chiếm đất của nguyên đơn nên hai bên có thỏa thuận miệng khi nào bị đơn xây dựng lại nhà thì trả lại phần diện tích lấn chiếm (phần đang tranh chấp) cho nguyên đơn. Hiện tại trên phần đất tranh chấp có sân bê tông diện tích 13,4m^2 do bị đơn xây dựng năm 2013. Nguyên đơn đồng ý với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp ngày 14/6/2019.

Nay nguyên đơn bà Vũ Thị G yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Đỗ Thị B trả lại quyền sử dụng đất đo đạc thực tế là 13,4m^2 (chiều ngang phía sau 1,14m; chiều dài 23,1m) thuộc thửa đất số 142, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại xã A, huyện G, tỉnh B đã được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn. Phần đất tranh chấp có tứ cận:

Hướng Đông giáp đường ĐH 507;

Hướng Tây giáp thửa đất số 149;

Hướng Nam giáp thửa đất số 149;

Hướng Bắc giáp thửa đất số 149 và 142.

Nguyên đơn đồng ý bồi thường cho bị đơn chi phí xây dựng sân bê tông theo giá do Hội đồng định giá quyết định.

Bị đơn bà Đỗ Thị B trình bày:

Trước toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý. Từ tháng 8/1995, vợ chồng bị đơn (ông Nguyễn Quang C đã chết) có nhận chuyển nhượng của ông T, bà G quyền sử dụng đất có diện tích 04m ngang, dài 25m với giá 2 chỉ 5 phân vàng 24k. Ngày 22/9/1998, vợ chồng bị đơn có nhận chuyển nhượng thêm của ông Bùi Văn Th 02m ngang mặt đường chạy dài hết đất giáp với phần đất nhận chuyển nhượng của nguyên đơn. Sau đó vợ chồng bị đơn có nhận chuyển nhượng thêm của ông Phạm Văn C và ông Bùi Xuân M thêm một số diện tích đất phía sau. Đến ngày 01/3/2002, vợ chồng bị đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 1.425m^2, thuộc thửa đất số 149, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại xã A, huyện G, tỉnh B.

Năm 2010, chồng bị đơn chết nên để thừa kế lại cho bị đơn quyền sử dụng đất nói trên. Đến ngày 13/6/2013, bị đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.425m^2, thuộc thửa đất số 149, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại xã A, huyện G, tỉnh B. Quá trình vợ chồng bị đơn sử dụng thửa đất nói trên thì không phát sinh tranh chấp, sau khi bị đơn lập giấy tay cam kết chuyển nhượng cho bà Bùi Thị H quyền sử dụng thửa đất nói trên thì phát sinh tranh chấp. Bị đơn chuyển nhượng cho bà H đúng với diện tích đất của bị đơn được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không chấp nhận trước toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa bị đơn trình bày: Bị đơn đồng ý với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh B đối với thửa đất số 149, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại xã A, huyện G, tỉnh B. Bị đơn không đồng ý với ý kiến của nguyên đơn cho rằng năm 1996, khi bị đơn xây dựng nhà thì nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận miệng khi nào xây dựng lại nhà thì bị đơn phải trả lại diện tích đất lấn chiếm (phần diện tích tranh chấp). Thực tế vào năm 1996, khi bị đơn xây dựng nhà thì có sự xác nhận của nguyên đơn về ranh giới, sau đó bị đơn mới tiến hành xây dựng nhà ở ổn định; năm 2013 do nhà xuống cấp nên bị đơn sửa chữa xây dựng lại nhà theo đúng ranh giới nhà cũ và nguyên đơn cũng không có ý kiến gì, chỉ đến năm 2018 khi bị đơn chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà H, ông D thì nguyên đơn mới tranh chấp.

Bị đơn đồng ý với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp ngày 14/6/2019. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị H và ông Vũ Tiến D trình bày:

Trước toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà H, ông D không đồng ý. Bởi vì, đầu năm 2018, bà H và ông D có nhận chuyển nhượng bằng giấy

tay với bà Đỗ Thị B diện tích đất 1.425m^2, thuộc thửa đất số 149, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại xã A, huyện G, tỉnh B với trị giá 1.200.000.000 đồng, bà H và ông D đã trả hết tiền cho bà B nhưng bà H và ông D chưa làm thủ tục sang tên được vì hiện tại đất đang tranh chấp. Bà H và ông D sử dụng đúng diện tích mà bà B đã chuyển nhượng, vì khi bà H và ông D nhận bàn giao đất từ bà B thì ranh đất giữa bà B và nguyên đơn đã có sẵn bằng hàng rào xây gạch do bà B xây dựng. Hơn nữa khi bà H và ông D chuyển về ở trên phần đất bà B chuyển nhượng thì nguyên đơn có biết và giữa bà H, ông D với nguyên đơn đã thống nhất ranh đất nhưng sau khi ở được hơn 3 tháng thì nguyên đơn lại phát sinh tranh chấp như trên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2020/DS-ST ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Vũ Thị G đối với bị đơn Đỗ Thị B về tranh chấp quyền sử dụng đất. Phần đất tranh chấp có diện tích 13,4m^2 (chiều ngang phía sau 1,14m; chiều dài 23,1m), thuộc thửa đất số 149, tờ bản đồ 14, tọa lạc tại xã A, huyện G, tỉnh B, có tứ cận:

Hướng Đông giáp đường ĐH 507;

Hướng Tây giáp thửa đất 149;

Hướng Nam giáp thửa đất 149;

Hướng Bắc giáp thửa đất 149 và 142.

(Số đo cụ thể các cạnh thể hiện tại Bảng liệt kê tọa độ góc ranh trên sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án).

Ngoài ra bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/8/2020 nguyên đơn bà Vũ Thị G kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên khởi kiện và kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Kháng cáo của đương sự đúng thời hạn. Tại cấp phúc thẩm những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại quyền sử dụng đất 13,4m^2 (chiều ngang phía sau: l,14m; chiều dài: 23,lm), thuộc 01 phần thửa đất số 142, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại xã A, huyện G, tỉnh B cho nguyên đơn, bị đơn không đồng ý trước toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do: Bị đơn sử dụng đúng với diện tích được cấp ngày 13/6/2013 cho bị đơn. Xét thấy, theo Công văn số 1174/UBND-NC ngày 20/11/2019 của UBND huyện G, tỉnh

Bình Dương: Thửa đất số 142 và thửa đất số 149, tờ bản đồ số 19 được cấp theo đúng quy định của Luật Đất đai năm 1993, sửa đổi năm 1998 và Luật Đất đai năm 2003. Ngoài ra, tại Bản án số 167/2015/DS-PT ngày 16/01/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, bị đơn được hưởng di sản thừa kế đối với thửa đất số 142, tờ bản đồ số 14 có diện tích 187m^2. Theo kết quả đo đạc thực tế ngày 14/6/2019 diện tích thực tế là 236,5m^2 lớn hơn so với diện tích bị đơn được hưởng di sản thừa kế, như vậy không có căn cứ bị đơn lấn chiếm đất của nguyên đơn.

Ngoài ra phần diện tích đất tranh chấp 13,4m^2 bị đơn đã quản lý, sử dụng ổn định, công khai, liên tục, năm 1996 đã xây dựng nhà, năm 2013 sửa chữa, xây dựng lại nhà, đã đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2013, khi bị đơn sửa chữa, xây dựng lại nhà thì nguyên đơn cũng không có ý kiến, không phát sinh tranh chấp.

Từ nhận định trên có căn cứ khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Nguyên đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Vũ Thị G tranh chấp với bà Đỗ Thị B diện tích đất đo thực tế 13,4m^2 (phần đất hình tam giác, chiều ngang phía sau 1,14m, chiều dài 23,1m), thuộc một phần thửa đất số 149, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại xã A, huyện G, tỉnh B.

[2] Tài liệu, chứng cứ thu thập, thể hiện nguyên đơn bà Vũ Thị G có chồng là ông Phạm Văn T (ông T chết năm 2011). Bị đơn bà Đỗ Thị B có chồng là ông Nguyễn Quang C (ông C chết năm 2010), có đất giáp nhau.

Trước năm 1995, ông T (chồng bà Giá) quản lý, sử dụng 02 phần đất tại xã An Linh (nay là xã An Thái), huyện G, trong đó một phần đất có hướng Đông giáp suối Nước Trong diện tích 24.968m^2, thuộc thửa đất số 78. Năm 2001, ông T được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất này; phần đất thứ 02 có hướng Đông giáp đường đất đỏ, không rõ diện tích, đến tháng 8 năm 1995, ông T (chồng bà G) chuyển nhượng cho ông Nguyễn Quang C (chồng bà B) diện tích đất có bề ngang giáp đường đất đỏ 04m, chiều sâu 25m, với giá 02 chỉ 05 phân vàng, hai bên xác lập lại "Giấy sang nhượng đất" (bút lục 31).

Sau khi chuyển nhượng một phần đất cho ông C , đến tháng 01 năm 1998, hộ ông T (chồng bà Giá) được Ủy ban nhân dân huyện Tân Uyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 208m^2, thuộc thửa đất số 142; tại sơ đồ

thửa đất số 142 trên giấy chứng nhận thể hiện hướng Đông giáp đường đất đỏ, hướng Tây giáp đất ông Phạm Văn Tu (cha ông T) dài 8,7m, hướng Nam giáp đất ông C (đất ông C nhận chuyển nhượng của ông T), hướng Bắc giáp đất ông Phái.

Ông Bùi Văn Th có thửa đất giáp với đất của ông T (phần đã chuyển nhượng cho ông C). Ngày 22/9/1998, ông Th chuyển nhượng cho ông C (chồng bà B) phần đất ngang giáp đường 02m, giáp ranh với phần đất nhận chuyển nhượng của ông T (bút lục 30). Tổng số chiều ngang đất của ông C hai lần chuyển nhượng của ông T và ông Th là 06m. Trong năm 1998, ông Phạm Văn Tu (cha của ông T) đã hai lần chuyển nhượng cho ông C (chồng bị đơn) các phần đất phía sau giáp ranh với phần đất của ông T. Tại thời điểm ông C nhận chuyển nhượng các phần đất trên thì các phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, ông Th, ông Tu nên các bên chỉ lập giấy tay mua bán, không xác định được số thửa đất.

Sau khi nhận chuyển nhượng đất của ông T, ông Th và ông Tu, đến tháng 11 năm 2000, ông C kê khai đăng ký đất (bút lục 46, 47). Ngày 09/6/1999, hộ ông C được Ủy ban nhân dân huyện U cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.175m^2 (bút lục 44) có cạnh hướng Đông giáp đường đất dài 06m, hướng Bắc có đoạn giáp đất ông T (chồng bà Giá) dài 20m. Sau khi ông C chết, đến năm 2013 bà B sang tên quyền sử dụng đất cho bà B đứng tên (bút lục 42e).

Theo đo đạc thực tế thì thửa đất số 142 của ông T (do bà G thừa kế) có diện tích 236,5m^2 (nhiều hơn giấy chứng nhận 28,5m^2) có cạnh hướng Tây giáp đất của bà B dài 9,15m là dài hơn chiều dài ghi trên giấy chứng nhận 0,45m, (giấy chứng nhận ghi số đo 8,7m, đo thực tế 9,15m); chiều dài thửa đất là 23,1m là nhiều hơn chiều dài ghi trên giấy chứng nhận là 3,1m.

[3] Như vậy, thửa đất của bà G thực tế sử dụng có số đo chiều ngang, chiều dài và số đo toàn thửa đất là nhiều hơn số đo chiều ngang, chiều dài và số đo toàn thửa đất theo giấy chứng nhận. Đồng thời, vào năm 2014, 2015 giữa bà Nguyễn Thị B (mẹ chồng bà G) với bà Vũ Thị G phát sinh tranh chấp về tài sản thừa kế của ông T, Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm và Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm đã công nhận cho bà G quyền sử dụng thửa đất số 142, tờ bản đồ số 14, diện tích 187m^2 (bút lục 78e). Tại phiên tòa phúc thẩm, bà G và bà B thừa nhận, sau khi vợ chồng bà G chuyển nhượng đất cho vợ chồng bà B thì ông T chồng bà B đã xây dựng bức tường xác định ranh giới với đất của nguyên đơn cho đến nay.

[4] Do đó, có căn cứ xác định bà B sử dụng phần đất nhận chuyển nhượng của bà G là đúng ranh giới, không có căn cứ chứng minh bà B lấn chiếm đất của bà Giá. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G là đúng quy định. Tại cấp phúc thẩm, bà G không có tài liệu chứng cứ mới chứng minh việc kháng cáo là có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Giá.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm, người kháng cáo phải chịu do kháng cáo không được chấp nhận.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 48, khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Vũ Thị G.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2020/DS-ST ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bình Dương.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Vũ Thị G phải chịu số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ hết vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại Biên lai thu tiền số 0043488 ngày 11/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bình Dương.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND huyện G;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: HS, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tài

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS TP Thủ Dầu Một;
- TAND TP Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: HS, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tài